

# VỀ SỰ CHUYỂN HÓA CỦA QUÁN ĐẠO GIÁO

TS. NGUYỄN THẾ HÙNG\*

Quán Đạo giáo có mặt ở những nơi nào trên đất nước ta? Đó là một vấn đề rất phức tạp, vì phần nhiều quán đã trở thành những kiến trúc, trong đó có bổ sung các hình thức sinh hoạt tôn giáo khác, không còn mang tên quán Đạo giáo. Dấu vết vật chất cho biết về sự hiện tồn của một quán Đạo giáo trong quá khứ, đã và đang bị tàn phai, nên chúng ta không thể có được sự bao quát đầy đủ về sự chuyển hóa của các quán Đạo giáo. Ở giới hạn nghiên cứu hiện nay, chưa cho phép chúng ta có thể đề cập đến sự biến đổi mang tính tổng quan về các quán Đạo giáo ở châu thổ Bắc Bộ, song như một giả thiết công tác, trong thời gian gần đây dựa trên những tư liệu điển dã ở Hà Tây và vùng phụ cận như Hà Nội, Hưng Yên, chúng tôi tạm chia ra các quán Đạo và sự biến đổi của chúng thành 4 loại:

- Quán Đạo giáo chuyển hóa thành chùa:

Quán Viên Dương thành chùa Viên Dương; quán Hưng Thánh thành chùa Mui, quán Hội Linh thành chùa Sở, quán Lâm Dương thành chùa Lâm Dương, quán Yên Nhân thành chùa Yên Nhân (với tên chữ là Hanh Thông tự), quán Lão Quân thành chùa Lưu Xá (tên theo thôn). Ra ngoài phạm vi Hà Tây, chúng ta được biết ở Hà Nội, quán Huyền Thiên đã chuyển thành chùa Huyền Thiên.

- Quán Đạo giáo chuyển thành đình, như quán Văn Quán thành đình Văn Quán. Đây là trường hợp quán chuyển thành đình có thể là duy nhất theo điều tra của chúng tôi cho đến lúc này.

- Quán Đạo giáo chuyển hóa thành đền, chúng ta chưa gặp ở Hà Tây, nhưng có thể lấy ví dụ cho sự chuyển hóa này là trường hợp quán Chân Vũ, thường được nhân dân gọi là đền Quán Thánh ở Hà Nội. Tại đền An Dương Vương ở Cổ Loa, chúng tôi còn thấy dòng chữ Hán Đệ Nhất Tiên từ trên kiến trúc đền. Thục Phán - An Dương Vương với những

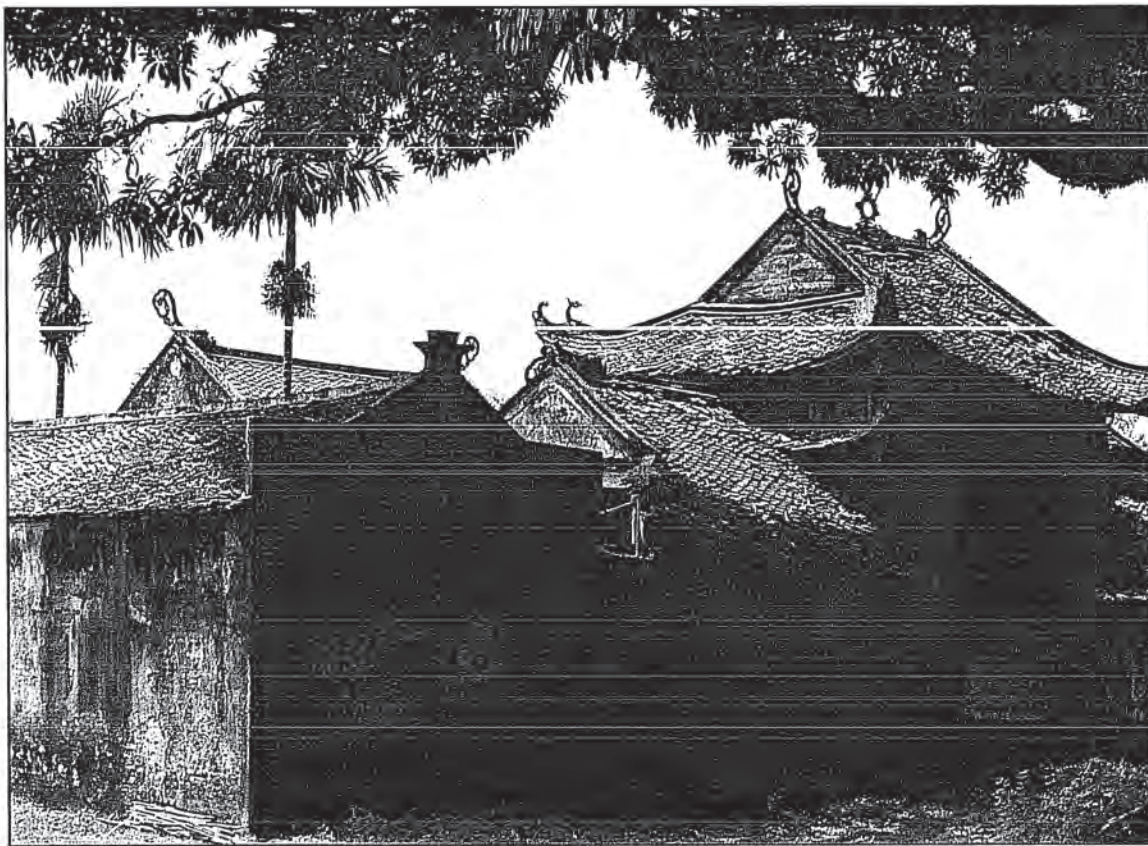
câu chuyện về pháp thuật và việc xây Loa Thành đều là những sự tích gắn với thần tiên, ma quỷ được khúc xạ qua lăng kính Đạo giáo để trở thành một ông tiên Việt. Phải chăng đây là một bằng chứng về quá trình bản địa hóa Đạo giáo. Trường hợp Bích Câu Đạo quán ở Hà Nội hội nhập với An Quốc tự nhưng quán còn có tên gọi là đền Bích Câu, nên cũng là một điểm đáng lưu tâm.

Những ví dụ về quá trình bản địa hóa của Đạo giáo còn được tìm thấy trong câu chuyện chọn thần bảo hộ như ở quán Thông Thánh - Bạch Hạc. Đó là Trung dực Vũ phụ Uy hiển vương, tức thần sông Tam Giang. Nhiều vị thần cổ của sông núi đất Việt đã trở thành các vị thần Đạo giáo. Quán Đế Thích ở Sơn Đình, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên hiện có tấm bia *Đế Thích điện ký*, dựng năm Hoằng Định 6 (1605) cho biết: Xã Liêu Hương ở thời Lý, vào năm Long Thụy 2 (1055) có Trương Ba thích rượu giỏi cờ, cả nước không ai địch nổi. Ông sang Bắc quốc gặp Kỳ Như cũng rất giỏi cờ, cùng nhau kết bạn và đưa nhau về quê lập am vui thú, bảy

Nguyễn Thế Hùng: Về sự chuyển hóa của quán Đạo giáo

năm sau họ chia tay. Ông thấy hạ giới không có ai là địch thủ, nên mong được đánh cờ với Đế Thích - người cao cờ nhất thiên đình. Thế rồi một hôm có cụ già ăn mặc rách rưới tới xin đấu cờ. Trương Ba thua liền mấy ván, hỏi ra mới biết là Đế Thích. Lúc chia tay, Đế Thích ban cho Trương Ba mấy nén hương và dặn khi nào gặp nạn, thắp hương lên sẽ được Thánh xuống cứu. Trương Ba qua đời, con cháu thắp hương, Đế Thích xuống trần triệu Tam phủ công đồng hoàn hồn cho Trương Ba sống lại. Dân xã bèn lập miếu (đền) thờ Đế Thích. Ngày nay, nhân dân địa phương gọi quán là đền, hoặc có người còn gọi là miếu<sup>1</sup>. Chữ "quán" đã nhạt nhòa trong tâm thức của cư dân sở tại nhưng câu chuyện Đế Thích và Trương Ba thì vẫn sống mãi với thời gian để bước vào thế giới thần tiên của Đạo giáo.

- Trường hợp vẫn là quán Đạo giáo nhưng việc thờ tự nhiều khi đã mang tính hỗn hợp. Lúc đầu, chúng tôi xếp quán Linh Tiên (Hà Tây) thuộc loại chuyển thành chùa. Nhưng xét lại, trong quán có thờ cả Khổng Tử, một nhân vật vốn không phải của Phật hay Đạo



Gác chuông quán Hội Linh - Ảnh: Thế Hùng



Tiền bái quán Linh Tiên - Ảnh: Thế Hùng

mà là bậc Thánh của Nho giáo. Tượng Khổng Tử nằm ở một vị trí trung tâm trên điện thờ của quán Linh Tiên. Ngoài ra quán còn thờ cả Mẫu, "một hình thức đặc thù của tín ngưỡng Đạo giáo Việt Nam". Ở đây cũng có ban thờ Đức Thánh Trần và vợ chồng Đa Quốc công Mạc Ngọc Liên... Việc thờ Mẫu và các nhân vật lịch sử, đều được xếp vào Đạo thờ thần tiên, một loại tín ngưỡng dân gian của người Việt Nam. Hiện nay, quán Linh Tiên có sư trụ trì và nhân dân địa phương cũng quen gọi là chùa, nhưng sự hiện diện của Khổng Tử, các nhân vật lịch sử Việt Nam và cả Lữ Gia trên điện thờ cùng các vị Mẫu vây kín xung quanh thượng điện đã chứng tỏ sự hỗn dung ở một ngôi quán Đạo giáo.

Sự phân loại trên đây chưa thể như một kết luận cuối cùng, chúng tôi hy vọng ở những công trình của các nhà nghiên cứu khác sẽ làm rõ hơn. Tuy nhiên, qua thực tế có thể thấy phổ biến hơn cả trong sự chuyển

hóa của quán Đạo giáo là biến đổi thành chùa. Nói đúng hơn là quán, chùa hỗn hợp.

Để đi sâu phân tích, chúng tôi không chỉ sử dụng tư liệu nghiên cứu thu thập được ở Hà Tây, mà còn ở một số địa bàn khác để có thể xem xét, nghiên cứu sự chuyển hóa của các quán Đạo, hy vọng tìm hiểu sâu thêm mối quan hệ giữa Đạo giáo và các tôn giáo khác, đặc biệt là Phật giáo.

Trong khối tư liệu Hán Nôm liên quan đến các quán Đạo giáo đã được công bố<sup>2</sup>, chúng tôi đã gạn lọc khá nhiều tư liệu phản ánh mối quan hệ giữa quán Đạo giáo và chùa Phật giáo.

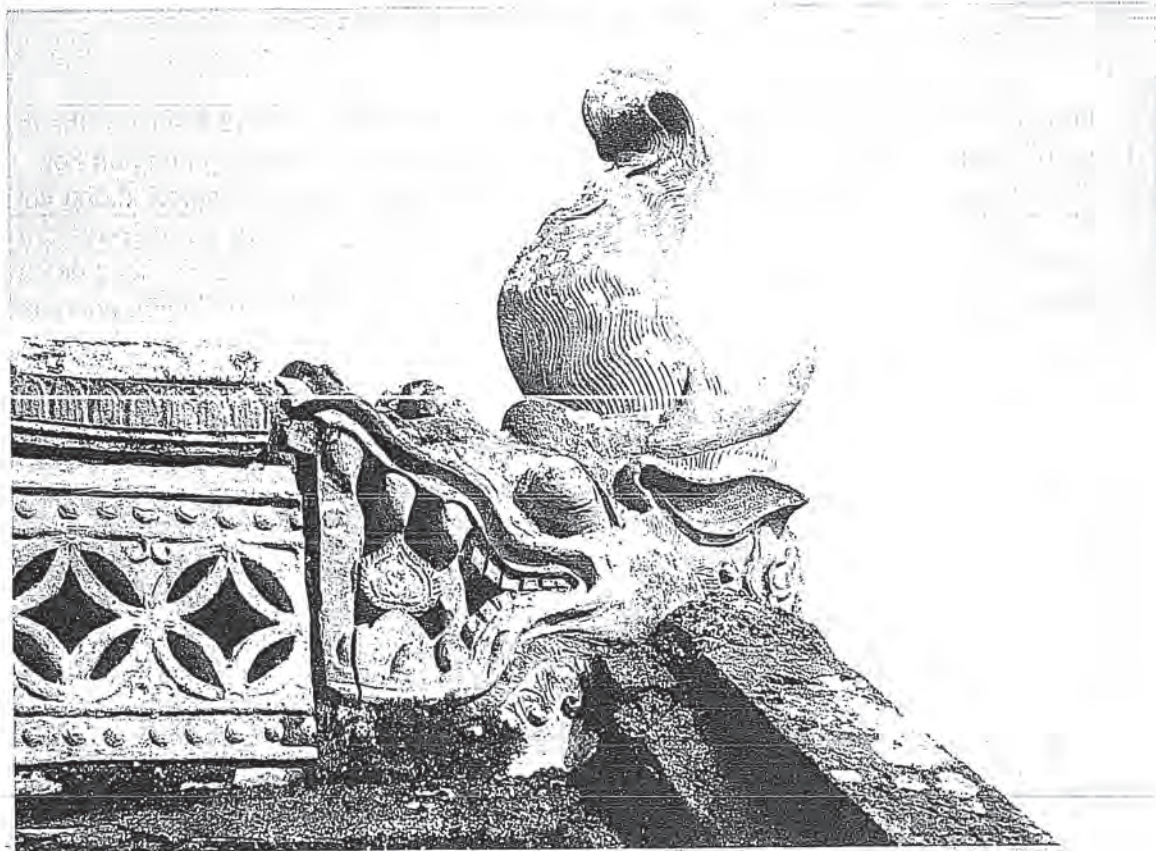
Tấm bia *Hội Linh quán thạch bi* của quán Hội Linh dựng thời Mạc vào năm Diên Thành 2 (1579) đã cho biết mục đích của việc xây dựng lại quán là: "Tam thanh bảo tọa cảm ứng tự nhiên. Phật Thánh hiển thần cảm thông khó lường. Cầu tất ứng, thỉnh tất nghiệm. Mười phương cầu nguyện, đều được đến đáp. Vạn vạn năm thấp hương lễ Thánh

để cầu tuổi thọ kéo dài. Trẻ già lớn nhỏ đều lên cõi thọ vực, nhân dân cùng hưởng cảnh xuân dài, đời vui như thời Nghiêu Thuấn, mừng thấy thái bình, tôn sùng Phật pháp. Công đức hà sa, khánh thiện hà sa, công đức viên thành. Công đức vĩnh hằng, ngàn năm trường sinh ngũ Phúc, Thọ, Khang, mĩ mĩ truyền cho con cháu được thêm phúc khánh, ngày ngày thêm vinh-hiển". Phật và Thánh cùng tồn tại, cùng mang đến cho dân làng nhiều điều tốt đẹp. Đọc đoạn văn bia trên ta có thể thấy khung cảnh Phật và Đạo chung sống hiền hòa đã góp phần tạo nên sự thanh bình của làng quê Việt Nam.

Tấm bia *Chân Thánh quán bi* ở xã Nghĩa Trai, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên ghi lại việc tu tạo quán Chân Thánh viết: "Quán một gian hai mái, cảnh tượng mới mẻ. Tượng Phật ba pho, thếp vàng uy nghiêm. Khác nào đài xuân sáng rực đất trời, cảnh chiếm đại thiên thế giới. Tựa quán Huyền Đô bền vững ngàn thu, còn đâu hơn được nữa! Nhưng việc dựng quán, tạo Phật để cầu phúc báo. Cho

nên làm điều thiện thì tu thân tế được gia và giúp cho việc đời càng thêm tốt đẹp hơn"<sup>2</sup>.

Tên bia hết sức rõ ràng, sau tên bia đã viết ngay một dòng để minh định nội dung văn bia là Bài ký ghi việc tu tạo quán Chân Thánh nhưng nội dung văn bia lại nói chuyện Phật hết sức tự nhiên, như vốn quán làm ra để thờ Phật. Văn bia không thấy nói gì đến tượng thờ Đạo giáo mà chỉ cho biết "tượng Phật ba pho" và việc "dựng quán, tạo Phật", càng chứng tỏ quán và chùa có sự gắn kết chặt chẽ và luôn song hành cùng nhau trong nhiều giai đoạn của lịch sử, mà thế kỷ XVI là một trong những giai đoạn đó. Tấm bia *Chân Thánh quán bi* được khắc vào thời Mạc, năm Sùng Khang 2 (1567) đã giúp chứng minh điều này. Ngoài ra, việc "dựng quán, tạo Phật" còn liên quan đến việc "tu thân", "tế gia" và "giúp cho việc đời", thì tinh thần đó đã vượt ra ngoài những khái niệm của Phật và Đạo. Đây là những khái niệm của Nho giáo. Chỉ trong một đoạn văn ngắn đã cho thấy sự gắn bó, hòa hợp của Phật, Đạo, Nho trong xã



Đầu kim thượng điện quán Hưng Thánh - Ảnh: Thế Hùng

hội đương thời. Sự chung sống của các tôn giáo ở Việt Nam là điều được khẳng định. Minh văn trên quả chuông thời Ngô được GS. Hà Văn Tấn thông báo qua bài viết *Quả chuông thời Ngô với một số vấn đề lịch sử và Đạo giáo*<sup>4</sup> cho biết: "... hai phái Đạo giáo và Nho giáo, từ trong năm Giáp Thìn (tức năm 944) đã chung nhau góp tiền vẽ một bức tranh Thái Thượng tam tôn. Chưa đến năm, lại làm 6 chiếc phướn báu thứ quan, xong, làm cỗ chay mừng hoàn tất. Nay cùng đưa ra việc mua một quả chuông báu, nặng 15 cân, để cúng dàng mãi mãi". Với minh văn này, một lần nữa cho thấy, Nho, Phật, Đạo song hành, cùng tồn tại, cùng phát triển trong đời sống xã hội Việt Nam. Đây có thể xem là một đặc điểm lớn của lịch sử tôn giáo nói riêng và lịch sử Việt Nam nói chung.

Tám bia *Viên Dương quán bi* khắc năm Hưng Trị 2 (1589) của quán Viên Dương, đã viết như sau: "Vào năm Ất Dậu, Đoan Thái sơ niên (1586), chuẩn bị vật liệu, thuê thợ sửa tòa thượng điện, lại tô tượng Phật ở đấy và làm nhà hậu đường như một tòa báu"<sup>5</sup>. Văn bia nhắc lại chuyện "tô tượng Phật" ở trong một quán Đạo giáo. Hai tấm bia *Chân Thánh quán bi* và *Viên Dương quán bi* được làm cách nhau gần hai chục năm cho thấy Phật và Đạo đã chung sống với nhau rất khăng khít. Quãng thời gian này, tuy chưa diễn tả hết chặng đường song hành của Phật và Đạo nhưng người ta vẫn cảm nhận được sự chung sống hòa bình của giới tăng ni và đạo sĩ. Thêm một ví dụ, tấm bia dựng năm 1586 thời Mạc (Đoan Khánh sơ niên) ở quán Linh Tiên lại do "Sư chùa Thiên Phúc, núi Phật Tích là Phạm Tăng Tài viết chữ". Tấm bia ở quán Viên Dương dựng năm Hưng Trị 2 vừa nhắc ở trên đã thống kê tên một loạt các vị sư ở các chùa tín thí vào việc tu sửa thượng điện, tô tượng Phật, làm nhà hậu đường: "Tín thí: Tì khâu tăng Đoàn Huyền Phong trụ trì chùa Viên Quang, Tì khâu tăng tự Chấn Hưng trụ trì chùa Bảo Lâm, Tì khâu tự Đức Tuấn chùa Đồng Thiên Vương, Tì khâu tăng tự Huyền Huệ chùa Sùng Thiên, Tì khâu tăng tự Đức Năng chùa Linh Bất, Tì khâu tăng tự Đức Phổ chùa Nhạc Lâm, Tì khâu tăng tự Đức Thủy chùa Hoằng Thệ, Tì khâu tăng tự Phúc Tuyên chùa Hưng Khánh,

tăng Đức Dụ chùa Thiên Phúc, núi Phật Tích, Tì khâu tự Mậu Tiến chùa Ngô Sơn, Tì khâu tự Minh Lý chùa Hân Diên, Tì khâu tự Phúc Chân chùa Nghiêm Ứng".

Qua hai đoạn văn bia trên cũng khó có thể nói được chùa, quán cái nào có trước, quán biến đổi thành chùa hay chùa biến đổi thành quán. Với quán Chân Thánh và quán Viên Dương, chúng tôi nghiêng về khả năng Phật giáo xâm nhập vào trong quán Đạo giáo. Chả thế mà văn bia quán Viên Dương còn ghi: "Thái úy Dương Quận công cúng ruộng Tam bảo 7 mẫu để tiểu tăng Đàm Văn Liêm cày cấy". Các sư cúng dường, tín thí để làm Phật sự là chuyện bình thường, nhưng làm các việc đó ở quán Đạo giáo một cách hết sức tự nhiên hẳn là Phật và Đạo đã có sự gắn gũi nhau lắm.

Trong số những tấm bia thời Mạc, hiện còn có tấm bia *Tam giáo tượng minh*, dịch là Văn bia tượng Tam giáo, viết: "Chùa cổ Cao Dương ở Thụy Anh, từ lâu linh ứng. Điện Phật trang nghiêm, khiến người chiêm ngưỡng... các sãi cùng nhau quyên góp tài sản, thuê thợ tạo tác tượng quý Tam giáo"<sup>6</sup>.

Như vậy, trong trường hợp ở chùa Cao Dương thì tượng của Nho giáo, Đạo giáo được đưa vào một ngôi chùa đã có sẵn, để trong ngôi chùa có đầy đủ tượng của Tam giáo. Quán Linh Tiên hiện nay vẫn còn đầy đủ cả loại tượng này. Chúng tôi muốn lưu ý thêm, tấm bia của chùa Cao Dương được soạn và khắc vào thời Mạc, năm Diên Thành sơ niên (1578) do Trình Quốc công Nguyễn Bình Khiêm soạn nên không thể nói có sự hiểu nhầm về Tam giáo và tượng Tam giáo. Việc đưa tượng Tam giáo, trong đó có tượng của Đạo giáo, vào chùa là một việc làm có chủ ý rất rõ ràng và có sự tham gia của tầng lớp Nho sĩ vào các hoạt động tôn giáo ở thế kỷ XVI. Có nhà nghiên cứu đã cho rằng "họ giải thích tư tưởng Phật và Đạo dưới lăng kính của Nho giáo". Về sự chuyển hóa của quán Đạo giáo ở thời Mạc, thế kỷ XVI đã xảy ra cả hai trường hợp: Trường hợp Phật giáo xâm nhập vào các quán Đạo giáo và trường hợp Đạo giáo xâm nhập vào chùa Phật. Tuy nhiên, vai trò của quán Đạo giáo vẫn nổi lên trên nền cảnh đương thời. Tình hình này sang các thế kỷ sau có khác hơn, chúng tôi sẽ

phân tích ở dưới đây.

Mặc dù là các quán Đạo giáo được biết ít nhất là vào các thế kỷ XVI đã có sự chuyển hóa, kết hợp cả thờ Phật thì sang các thế kỷ sau quá trình Phật giáo diễn ra ở các quán Đạo giáo ngày càng mạnh hơn, tuy đường như ngôi chùa vẫn không thể nào thay thế hoàn toàn các quán Đạo giáo. Năm 1628 quán Lâm Dương đã được “vị Tiến công lang Thượng Lâm viện Tăng lục ty thống, tri khải giáo Nam thiên trúc quốc là Sa di Đầu Đa tôn giả, Cao tăng hòa thượng, tự Pháp Tín, hiệu Đại đức thiền sư Lê Tài hưng công khai sáng già lam (chùa), dựng tòa thượng điện, thiêu hương, tiền đường, hậu đường, hai bên hành lang, cùng tạo tượng, tạc bía, vườn hoa vây quanh. Quốc vương hộ trì, Tam bảo Thánh tổ lưu truyền phụng thờ”. Điều đó có nghĩa là, quán đã có sự chuyển hóa rất mạnh sang chùa Phật dù vẫn thờ phụng Tam bảo Thánh tổ. Hơn 50 năm sau, tượng được trùng tu thì vẫn còn nhiều tượng của quán chứ không phải của chùa. Quán Lâm Dương có tấm bia *Trùng tu Lâm Dương quán Phật tượng bìa*, tức Bia trùng tu tượng Phật ở quán Lâm Dương được khắc vào thời Hậu Lê, niên hiệu Vĩnh Trị 5 (1680). Đến tấm bia *Hậu Phật bìa* ký dựng năm Bảo Thái 5 (1724) mới thấy chữ tự đứng cạnh chữ quán và di tích được gọi là chùa quán Lâm Dương. Nhưng đến thế kỷ XIX, quán Lâm Dương có tấm bia mang tên *Trùng tu Lâm Dương quán bìa* thì lại không thấy chữ tự xuất hiện (một mặt bia áp sát tường nên chúng tôi không xác định được niên đại tuyệt đối nhưng người viết văn bia nhận là người làng đỗ cử nhân và làm Chủ sự bộ Lễ nên chúng tôi xác định bia được làm vào thế kỷ XIX hoặc chậm lắm là đầu thế kỷ XX. Tuy nhiên, nội dung văn bia cho chúng ta biết, về kiến trúc quán gồm có tiền đường, thượng

điện, thiêu hương, hậu phòng, hành lang là một kiến trúc khác với kiến trúc hiện nay, nên khả năng tấm bia đó nghiêng về niên đại thế kỷ XIX nhiều hơn. Vì sang đầu hoặc giữa thế kỷ XX, kiến trúc quán đã bị thay đổi và có diện mạo như ngày nay - không còn giống với sự mô tả của tấm bia *Trùng tu Lâm Dương quán bìa*. Qua những văn bia vừa dẫn ở Lâm Dương quán có thể suy nghĩ rộng ra là, các quán Đạo giáo có một sức sống khá mãnh liệt, không chỉ bó hẹp trong cư dân sở tại. Dường như các quán Đạo giáo vẫn còn có một vai trò hiện thực trong đời sống tín ngưỡng, tôn giáo ở các thế kỷ XVII, XVIII, XIX, dù đã phải trải qua những sự chuyển hóa, hội nhập và biến đổi. Đôi khi việc gọi công trình tín ngưỡng đó là chùa hay quán hoặc đền, chỉ là một ước lệ hay do thói quen của người dân sở tại, như quán Linh Tiên chẳng hạn.

Qua nghiên cứu về sự chuyển hóa, hội nhập và biến đổi của quán Đạo giáo, tạm thời chúng tôi có thể nghĩ đến sự hỗn dung tôn giáo, phải chăng là một hằng số xuyên suốt trong lịch sử Việt Nam. Nho, Phật, Đạo đan xen với nhau và đan xen với tín ngưỡng dân gian. Hay nói cách khác, trên cái nền của tín ngưỡng dân gian, Nho, Phật, Đạo cùng đan xen tồn tại./.

N.T.H

**Chú thích:**

- 1, 2 - Nguyễn Quang Hồng (chủ biên): *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, Nxb. KHXH, H. 1992.
- 3, 5, 6 - Đinh Khắc Thuân: *Văn bia thời Mạc*, Nxb. KHXH, H. 1996.
- 4 - Hà Văn Tấn: *Chữ trên đá, chữ trên đồng - Minh văn và lịch sử*, Nxb. KHXH, H. 2002.

**SUMMARY: TRANSFORMATION IN TAOIST TEMPLES (DR. NGUYỄN THẾ HÙNG)**

Introducing several Taoist temples in Vietnam, the author draws attention to the integration of this type of architectural structure and other religious ones (mainly of Buddhist pagodas), while highlighting the folkway of Vietnamese religious beliefs and to some extent introduce to “steps” of these temples in the history.